

Số: 2822 /HD-SGDĐT

An Giang, ngày 30 tháng 9 năm 2021

HƯỚNG DẪN

Thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và thống kê giáo dục Năm học 2021-2022

Căn cứ Công văn số 4096/BGDĐT-CNTT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT và thống kê giáo dục năm học 2021-2022, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và thống kê giáo dục năm học 2021-2022 cụ thể như sau:

I. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của lãnh đạo các đơn vị về ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý và trong công tác dạy học; tiếp tục hỗ trợ cho giáo viên và học sinh trong việc sử dụng Internet tại trường, tăng cường các điều kiện đảm bảo và ứng dụng CNTT để tổ chức có hiệu quả các hình thức dạy học trực tuyến, dạy học trên truyền hình; góp phần duy trì các hoạt động dạy-học, kiểm tra, đánh giá của năm học 2021-2022 trước những diễn biến phức tạp của dịch COVID-19.

2. Từng bước tin học hóa công tác quản lý, tổ chức các kỳ thi địa phương; nghiên cứu, khai thác và sử dụng kết quả phân tích dữ liệu các kỳ thi giúp lãnh đạo Sở, phòng chuyên môn và các đơn vị chỉ đạo tốt hơn trong quá trình dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và thương hiệu của từng trường.

3. Tổ chức các lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên về ứng dụng CNTT trong dạy học theo chuyên đề, môn học; qua đó, xây dựng lực lượng nòng cốt, chuyên trách về CNTT để tổ chức các lớp tập huấn cho toàn thể giáo viên các trường, cơ sở giáo dục.

Tuyên truyền và chỉ đạo mạnh hơn nữa việc sử dụng các phần mềm quản lý, phần mềm hỗ trợ dạy học mã nguồn mở theo chỉ đạo của Bộ GDĐT nhằm tiết kiệm chi phí sử dụng phần mềm bản quyền.

4. Tổ chức triển khai hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho ngành Giáo dục thực hiện các nhiệm vụ CNTT liên quan đến Đề án Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong ngành Giáo dục giai đoạn 2021-2026 và định hướng đến năm 2030, Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025.

5. Đẩy mạnh triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số ở tất cả các cơ sở giáo dục; tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu (CSDL), triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành GDĐT, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu giữa các đơn vị, cơ quan trong ngành Giáo dục; kết nối, chia sẻ dữ liệu

giữa ngành Giáo với các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành, CSDL của đơn vị phục vụ công tác báo cáo, thống kê, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra.

6. Huy động các nguồn lực xã hội, nâng cao chất lượng nhân lực, đảm bảo các điều kiện về hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GDĐT.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá

a) Áp dụng hình thức dạy học trực tuyến theo quy định tại Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và phù hợp với điều kiện, nhu cầu của mỗi đơn vị, góp phần hoàn thành kế hoạch năm học trong điều kiện dịch COVID-19 còn phức tạp, triển khai một số nội dung sau:

- Tổ chức lựa chọn giải pháp phần mềm dạy học trực tuyến phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực hiện, sẵn sàng áp dụng khi học sinh không thể đến trường do dịch COVID-19; sử dụng tối đa lợi ích phần mềm quản lý học tập (LMS) mang lại, giúp học sinh học chủ động hơn và giảm tác động khi đường truyền Internet quá tải.

- Tổ chức tập huấn cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục kỹ năng quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến, tăng cường hình thức tập huấn trực tuyến, huy động đội ngũ giáo viên nòng cốt tham gia hỗ trợ, hướng dẫn đồng nghiệp; phối hợp với phụ huynh triển khai các hoạt động giáo dục trực tuyến, đặc biệt đối với học sinh tiểu học; đảm bảo tổ chức dạy, học trực tuyến an toàn và hiệu quả trên môi trường mạng.

- Tận dụng tối đa nền tảng trực tuyến triển khai có hiệu quả các hoạt động như: hướng dẫn học sinh tự học, giao nhiệm vụ về nhà cho học sinh, kiểm tra đánh giá và phối hợp với gia đình trong triển khai các hoạt động giáo dục.

- Tăng cường nguồn học liệu số đảm bảo chất lượng hỗ trợ kịp thời cho giáo viên, học sinh, phụ huynh triển khai các hoạt động dạy học trực tuyến; khuyến khích giáo viên tham gia Cuộc thi Thiết kế bài giảng điện tử của ngành Giáo dục; huy động giáo viên tham gia đóng góp nguồn học liệu để chia sẻ dùng chung; phát huy vai trò của tổ chuyên môn trong đánh giá, lựa chọn học liệu số trước khi đưa vào sử dụng ở nhà trường; hướng dẫn giáo viên tham khảo các nguồn tài nguyên giới thiệu từ website Bộ, chuyên mục “*Hỗ trợ dạy học trực tuyến*” và website Sở GDĐT chuyên mục “*Kho học liệu*”.

- Triển khai nền tảng, giải pháp phần mềm quản lý, tổ chức dạy học trực tuyến theo hướng kết hợp, tích hợp các chức năng của các Hệ thống quản lý học tập trực tuyến, Hệ thống quản lý nội dung học tập với Phần mềm tổ chức dạy học trực tuyến; kết nối trao đổi dữ liệu với phần mềm quản lý trường học theo mã định danh và cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục, hướng đến việc sử dụng phần mềm dạy học trực tuyến có sự thống nhất, đồng bộ cao trong mỗi đơn vị trên nền tảng dùng chung của tỉnh.

b) Rà soát, phát triển hệ thống thư viện điện tử (bao gồm phần mềm quản trị thư viện và cơ sở dữ liệu số hóa sách và tài liệu phục vụ dạy học), kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài liệu số hóa giữa các đơn vị.

c) Thí điểm triển khai các mô hình dạy - học tiên tiến trên nền tảng số (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của mỗi đơn vị.

d) Tăng cường đầu tư hạ tầng CNTT phục vụ lưu trữ tài nguyên số, học liệu số tại các cơ sở giáo dục đáp ứng nhu cầu dạy và học tại từng đơn vị; tổ chức chọn lọc học liệu số có chất lượng đóng góp vào kho tài nguyên chung của tỉnh.

2. Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong đổi mới phương thức quản trị cơ sở giáo dục và quản lý nhà nước về giáo dục theo hướng tinh gọn, hiệu quả, minh bạch

a) Triển khai không gian làm việc số tới 100% cơ sở giáo dục, tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên và hướng đến là người học; phần mềm quản trị nhà trường phải đáp ứng quy định kỹ thuật về dữ liệu của Bộ GDĐT và kết nối trao đổi liên thông dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục.

b) Triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử gồm: sổ điểm điện tử, học bạ điện tử (có thể in ra từ phần mềm, đáp ứng đúng-đủ nội dung, có xác nhận của người có thẩm quyền hoặc gắn chữ ký số), thanh toán không dùng tiền mặt, truyền thông và kết nối với các nền tảng ứng dụng trong và ngoài ngành Giáo dục; triển khai ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với nhà trường trên nền tảng số, khuyến khích áp dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, email, ứng dụng trên thiết bị di động và website giáo dục.

c) Tiếp tục triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành Giáo dục (tại địa chỉ csdl.moet.gov.vn) đảm bảo phục vụ tất cả cơ quan quản lý giáo dục, bao gồm cơ sở dữ liệu về: mạng lưới trường, lớp học, người học (kết quả của quá trình học tập, rèn luyện; hồ sơ sức khỏe); đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và nhà giáo, cơ sở vật chất và thiết bị trường học, tài chính - đầu tư, nước sạch, nhà vệ sinh trường học, công tác y tế trường học; kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, phòng GDĐT, sở GDĐT đến Bộ GDĐT; kết nối dữ liệu giữa ngành Giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của địa phương phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra.

d) Đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến, **ưu tiên triển khai dịch vụ trực tuyến về xét tuyển học sinh đầu cấp** mức độ 3, mức độ 4; **thực hiện thanh toán học phí không dùng tiền mặt**; tiếp tục sử dụng có hiệu quả hệ thống quản lý hành chính điện tử (iOffice), liên thông trao đổi văn bản điện tử thông suốt trong và ngoài ngành; giữa cơ sở giáo dục với phòng/Sở GDĐT và với Bộ GDĐT.

đ) Đẩy mạnh ứng dụng CNTT tổ chức họp, hội nghị, hội thảo, dự giờ và tổ chức sinh hoạt chuyên môn, đặc biệt đối với hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường, huyện hay tỉnh theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; báo cáo kịp thời kết quả tập huấn giáo viên về Hệ thống thông tin quản lý quá trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên (TEMIS) theo hướng dẫn của Sở GDĐT.

e) Triển khai có hiệu quả cổng thông tin điện tử, thư điện tử giáo dục theo quy định tại Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; triển khai hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục và chống mù chữ theo Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (địa chỉ truy cập: <http://pcgd.moet.gov.vn>); triển khai ứng dụng An toàn COVID-19 (antoanacovid.vn) tới 100% cơ sở giáo dục ngay từ đầu năm học, giúp công khai thông tin và chuẩn bị tốt điều kiện đảm bảo an toàn dịch bệnh trong nhà trường.

3. Triển khai hiệu quả công tác thống kê giáo dục

a) Tổ chức thực hiện báo cáo thống kê giáo dục định kỳ đối với giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên cấp trường, phòng, và Sở GDĐT (kỳ đầu năm học, giữa năm học và kỳ cuối năm học) đúng thời hạn, đầy đủ và chính xác theo hướng dẫn của ngành.

b) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tổ chức rà soát, thu thập, tổng hợp đầy đủ thông tin về hồ sơ trường học, lớp học, học sinh, đội ngũ (cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên), cơ sở vật chất và thiết bị trường học, tài chính đảm bảo thông tin đầy đủ, chính xác và cập nhật vào hệ thống CSDL ngành Giáo dục theo hướng dẫn của Sở GDĐT. Để đảm bảo chất lượng thông tin và báo cáo, bộ phận làm công tác thống kê cần lưu ý:

- Rà soát kỹ và nhập đầy đủ thông tin về: thông tin trường đạt chuẩn kiểm định, chuẩn quốc gia, trường học có sử dụng máy tính, có Internet cho dạy học, có điện, có nguồn nước sạch, có nước uống; về học sinh: năm sinh, tình trạng lên lớp, lưu ban, bỏ học, điện thoại liên lạc, địa chỉ liên lạc, học sinh biết bơi, bệnh về mắt...; về đội ngũ: năm sinh, trình độ được đào tạo, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm,.. (đây là thông tin hay bị bỏ qua).

- Kiểm tra, rà soát, đánh giá tính khớp đúng các chỉ tiêu theo mẫu biểu báo cáo thống kê trước khi nộp lên cấp trên (như các thông tin trường, quy mô học sinh, số học sinh đi học đúng tuổi, số học sinh lưu ban, bỏ học, số cán bộ quản lý, số giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn trình độ đào tạo, thông tin phổ cập giáo dục của huyện/thị/thành phố, các chỉ tiêu tỷ lệ theo từng cấp học, số liệu chi ngân sách nhà nước cho giáo dục,...).

4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực số phục vụ chuyển đổi số và làm công tác thống kê trong ngành Giáo dục

a) Rà soát, tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cho giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý giáo dục và học sinh. Nội dung bồi dưỡng gắn với nhu cầu thực tiễn về triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong nhà trường, xem xét triển khai tập huấn phù hợp một số nội dung:

- Kỹ năng về quản lý, triển khai có hiệu quả các phần mềm quản trị trong nhà trường; kỹ năng quản lý, báo cáo và khai thác sử dụng có hiệu quả các phần mềm dùng chung của ngành Giáo dục như: các phân hệ báo cáo trên phần mềm cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục, hệ thống thông tin quản lý thông tin phổ cập giáo dục và chống mù chữ.

- Bồi dưỡng đáp ứng các yêu cầu về năng lực ứng dụng CNTT và chuyển đổi số theo vị trí việc làm của viên chức theo quy định.

b) Rà soát, kiện toàn và nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và làm công tác thống kê trong ngành Giáo dục ở tất cả các cấp: Sở, phòng và trường học.

c) Hướng dẫn các đơn vị đẩy mạnh áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM); phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

5. Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GDĐT

a) Rà soát và có kế hoạch mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, dạy môn Tin học, dạy học trực tuyến và làm việc trực tuyến; đảm bảo kết nối cáp quang Internet tới các cơ sở giáo dục.

b) Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT; thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin; đẩy mạnh tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin khi sử dụng các phần mềm trực tuyến và thiết bị cá nhân như điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính cá nhân.

c) Tham mưu các cấp chính quyền ưu tiên nguồn lực đầu tư mua sắm thiết bị dạy học trực tuyến phục vụ nhà trường, giáo viên và học sinh; huy động các nguồn lực xã hội ủng hộ, tài trợ thiết bị dạy học trực tuyến cho học sinh và giáo viên ở những nơi còn khó khăn; đề nghị các nhà mạng trên địa bàn có chính sách hỗ trợ, ưu đãi đặc biệt về dịch vụ Internet cho học sinh, giáo viên và nhà trường sử dụng dạy học trực tuyến.

d) Tăng cường phối hợp giữa các ngành có liên quan nhằm đảm bảo kết nối thông tin trực tuyến từ các cơ sở giáo dục đến từng học sinh và phụ huynh học sinh.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN

1. Tăng cường vai trò lãnh đạo, điều hành của Ban Giám đốc đối với việc thực hiện nhiệm vụ CNTT tại cơ quan Sở, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch, gắn ứng dụng CNTT với cải cách hành chính; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền thông qua các hội nghị, hội thảo, cuộc thi hoặc trên cổng thông tin điện tử nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức cho cán bộ quản lý và giáo viên về vai trò của ứng dụng CNTT trong các hoạt động GDĐT.

2. Hướng dẫn đơn vị chủ trì quản lý hệ thống thông tin và CSDL giáo dục tăng cường vận hành và khai thác sử dụng các hệ thống CNTT; phân công cụ thể trách nhiệm về quản lý và khai thác sử dụng (giao trách nhiệm các phòng/bộ phận chuyên môn rà soát, đối chiếu và chuẩn hóa đảm bảo tính chính xác của dữ liệu thành phần của từng cấp học trên CDSL Ngành); từng đơn vị cần ban hành quy chế quản lý, duy trì và khai thác sử dụng các hệ thống CNTT, phân công cụ thể trách nhiệm về quản lý, sử dụng hệ thống; triển khai ứng dụng CNTT phải đi đôi với việc đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

3. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ phận phụ trách CNTT, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục:

a) Đối với phòng GDĐT: phân công lãnh đạo đơn vị/cơ quan phụ trách, lãnh đạo cấp phòng/tổ và chuyên viên làm đầu mối theo dõi triển khai nhiệm vụ CNTT và công tác thống kê giáo dục.

b) Đối với cơ sở giáo dục: phân công lãnh đạo nhà trường phụ trách và viên chức CNTT làm đầu mối triển khai nhiệm vụ CNTT và công tác thống kê giáo dục.

4. Triển khai các kế hoạch: ứng dụng CNTT, an toàn, an ninh thông tin, theo dõi hoạt động của cổng thông tin điện tử, khảo sát và đề xuất giải pháp nâng cấp hạ tầng CNTT tại cơ quan Sở, phòng GDĐT cũng như các cơ sở giáo dục trong tỉnh.

5. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và giáo viên về vai trò của ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong các hoạt động GDĐT và các kết quả ứng dụng CNTT đã đạt được.

6. Tăng cường huy động nguồn lực xã hội hóa; phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện có hiệu quả việc đầu tư, thuê dịch vụ CNTT (theo quy định tại Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ); phối hợp cùng các sở, ngành, đơn vị liên quan, dự toán kinh phí hàng năm để thực hiện mục tiêu của kế hoạch, nhằm từng bước thay thế thiết bị lạc hậu, không đảm bảo triển khai các ứng dụng; tranh thủ các nguồn vốn để đầu tư cơ sở hạ tầng về CNTT trong ngành.

7. Tổ chức đào tạo, tập huấn bằng nhiều hình thức phù hợp, nhằm hỗ trợ cán bộ, giáo viên đủ khả năng, trình độ tin học đáp ứng được yêu cầu công việc; cử nhân sự tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về CNTT do Bộ GDĐT, Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai.

8. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và công tác thống kê trong giáo dục; tổ chức đánh giá, hướng đến công bố chỉ số chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng; kịp thời có các hình thức khen thưởng tập thể, cá nhân làm tốt, đồng thời có các biện pháp xử lý đối với các tập thể, cá nhân chưa hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Sở GDĐT

- Thực hiện tốt vai trò tham mưu, quản lý nhà nước về ứng dụng CNTT, thường xuyên hỗ trợ, giám sát, đôn đốc việc thực hiện của các đơn vị; tổ chức sơ, tổng kết và báo cáo việc triển khai công tác này khi có yêu cầu; lập báo cáo đánh giá và tự chấm điểm tiêu chí thi đua năm học trước ngày 01 tháng 6 năm 2022.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý, duy trì, theo dõi bảo trì, đảm bảo hạ tầng CNTT phục vụ tốt công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Sở; hỗ trợ kỹ thuật để các đơn vị khai thác có hiệu quả các ứng dụng đã trang bị, đặc biệt là Hệ thống tra cứu văn bằng chứng chỉ, Tra cứu điểm thi, Hệ thống họp trực tuyến,...

- Tham mưu công tác kiểm tra tại một số huyện, thị, thành phố các nội dung: việc thực hiện các nhiệm vụ CNTT, sử dụng các phần mềm phục vụ công tác quản lý, dạy và học, quản lý thiết bị, quản lý tài sản,... *(có kế hoạch riêng)*.

2. Các phòng GDĐT và các đơn vị trực thuộc

- Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2021-2022; triển khai rộng rãi đến các bộ phận, đặc biệt phải quán triệt chi tiết nội dung kế hoạch cùng các hướng dẫn đến các cán bộ được phân công phụ trách công tác CNTT và thống kê; xem đây là một trong các tiêu chí để đánh giá thi đua đối với các đơn vị.

- Thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ theo qui định; bảo đảm thông tin kịp thời, chính xác, cụ thể như sau:

+ Các đơn vị gửi về Sở GDĐT trước ngày 14 tháng 10 năm 2021: Kế hoạch triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2021-2022; danh sách viên chức phụ trách công tác CNTT, thống kê năm học 2021-2022 (có số điện thoại liên lạc).

+ Báo cáo thống kê CSDL quốc gia: định kỳ báo cáo 1 năm/3 kỳ (kỳ đầu năm, kỳ giữa năm, kỳ cuối năm); Sở sẽ có hướng dẫn báo cáo cụ thể sau.

+ Các báo cáo sơ kết học kỳ, tổng kết năm học 2021-2022 (*có tích hợp việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục*) gửi về Sở GDĐT theo lịch thông báo chung của Văn phòng Sở GDĐT.

Yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện tốt các nội dung trên; trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần báo cáo kịp thời về Sở GDĐT (qua Văn phòng) để được hỗ trợ, tư vấn triển khai; số điện thoại: 0296.3852578, email: vanphong@angiang.edu.vn./.

Nơi nhận:

- Cục CNTT (để báo cáo);
- Phòng GDĐT;
- Trường THPT, THCS-THPT;
- TT.GDTX An Giang;
- Giám đốc và các Phó Giám đốc;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Tuấn Khanh

PHỤ LỤC
MỘT SỐ VĂN BẢN VỀ TRIỂN KHAI
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2021-2022

1. Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;
2. Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
3. Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;
4. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030. Trong đó Chính phủ giao Bộ GDĐT rà soát, làm rõ nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ giáo dục; đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực GDĐT;
5. Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 7/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;
6. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" trong đó GDĐT là 1/8 lĩnh vực ưu tiên, Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, ngành nói chung và Bộ GDĐT nói riêng xây dựng kế hoạch chuyển đổi số;
7. Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
8. Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và hỗ trợ các hoạt động dạy-học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng GDĐT giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025", trong đó có định hướng đến năm 2025, tiếp tục phát huy kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế, tồn tại trong quá trình triển khai;
9. Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT ngày 22/4/2016 quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng;
10. Thông tư số 08/2010/TT-BGDĐT ngày 01/03/2010 quy định về sử dụng phần mềm tự do nguồn mở trong các cơ sở giáo dục;
11. Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 quy định về Điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;
12. Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;
13. Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục;
14. Thông tư số 26/2019/TT-BGDĐT ngày 30/12/2019 Quy định về quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;
15. Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;

16. Thông tư số 19/2017/TT-BGDĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Hệ thống chỉ tiêu thông kê ngành giáo dục;

17. Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục.

18. Quyết định số 1904/QĐ-BGDĐT ngày 04/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định kỹ thuật về kết nối và dữ liệu phục vụ trao đổi dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông;

19. Văn bản số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng CNTT trong trường phổ thông.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH AN GIANG